TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 / 2022/ HNGĐ - ST
Ngày: 06 /9/ 2022.
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và bà Nguyễn Thị Phương Lan.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 53/2022/ TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐ-HPT ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lại Thị H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T (tên gọi khác Trần Quốc T), sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Phố B, thị trấn N, huyện Y tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Lại Thị H còn vắng mặt anh Trần Văn T (anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Lại Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T, sau thời gian tự do tìm hiểu đã kết hôn hợp pháp vào ngày 08 tháng 12 năm 1992 tại UBND xã K, huyện Y tỉnh Ninh Bình (nay là thị trấn N, huyện Y). Sau đó vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T tại phố Bàng, thị trấn N, huyện Y. Đến năm 1994, do kinh tế khó khăn nên chị đã chuyển vào trong Nam để làm ăn sinh sống, còn anh T vẫn ở lại huyện Y thi thoảng anh T lại vào thăm chị và con. Từ khi vợ chồng sống xa nhau thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, giai đoạn đầu thì một năm anh T vào thăm được một đến hai lần sau đó tới năm 2001, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên anh T không vào thăm chị và con nữa, thời gian này vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau. Bản thân chị cũng đã cố gắng níu kéo, hàn gắn nhưng chỉ xuất phát từ phía chị, còn anh T vẫn giữ nguyên

thái độ hờ hững, không quan tâm tới gia đình vợ con. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, kể từ năm 2002 cho tới nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T (tên gọi khác là Trần Quốc T).

Về con: Trong quá trình chung sống cho đến nay chị và anh T có hai người con chung là cháu Trần Thế A, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1993 và cháu Trần Thế V, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con riêng, chị và anh T không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị H xác định chị và anh T cho đến nay không có tài sản gì, về công nợ không có. Do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn T (tên gọi khác Trần Quốc T), hiện tại anh T đang có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại phố B, thị trấn N, huyện Y tỉnh Ninh Bình, cùng với mẹ đẻ là bà Lê Thị B. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh T, song do anh T thường đi làm không có ở nhà nên bà Lê Thị B là mẹ đẻ ở cùng anh T đã nhận thay và cam đoan sẽ giao lại tận tay cho anh T khi tối về, Tòa án đã lập biên bản làm việc với bà B, bà xác định đã giao tận tay thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn T ngay buổi tối hôm đó khi anh T đi làm về. Tiếp theo Tòa án đã cùng với chính quyền địa phương nhiều lần đến gia đình anh T để tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng gia đình anh T đều khóa cửa ngoài, không có ai ở nhà để giao nhận văn bản của Tòa án, qua xác minh tại địa phương được biết anh T đi làm thợ xây trong huyện Y nên chỉ có mặt tại nhà vào khoảng 7 giờ hoặc 8 giờ tối. Tòa án đã đề nghị trưởng phố hỗ trợ việc tống đạt, Tòa án đã lập biên bản giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lại Văn H là trưởng phố để giao lại cho anh T. Ông Lại Văn H – Trưởng phố B xác nhận các văn bản mà Tòa án đề nghị hỗ trợ tống đạt cho anh T ông đều đã thực hiện đúng theo cam kết, đã giao lại tận tay cho anh T các văn bản tố tụng mà Tòa án đề nghị giao theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 12/8/2022 Tòa án phối hợp cùng với trưởng phố, tiến hành tống đạt trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T, anh T có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, song anh không có thời gian đến Tòa án làm việc, anh T nhận Quyết định nhưng không ký biên bản giao nhận, Tòa án lập biên bản về nội dung trên có sự chứng kiến của chính quyền địa phương.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc anh T vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo đúng thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện chị Lại Thị H xử cho ly hôn với anh Trần Văn T (tên gọi khác Trần Quốc T). Về con đã trưởng

thành, về tài sản không có nên chị H không yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị H là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa vào ngày 30/8/2022 có mặt chị Lại Thị H còn anh Trần Văn T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Lại Thị H có mặt còn anh Trần Văn T vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lại Thị H và anh Trần Văn T có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 12 năm 1992 tại UBND xã K (nay là thị trấn N) huyện Y tỉnh Ninh Bình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, chị H đi làm ăn xa nhà nên dẫn đến sự bất đồng về quan điểm sống giữa hai vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn liên lạc và quan tâm tới cuộc sống của nhau từ năm 2002 cho đến nay. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Căn cứ vào các tài liệu chị H xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy giữa chị H và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa và có thời gian sống ly thân đã lâu nên tình cảm dành cho nhau không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ, hiện tại chị H thường xuyên sinh sống trong Nam, còn anh T sống cùng với mẹ đẻ tại thị trấn N. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị Lại Thị H và anh Trần Văn T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Lại Thị H xử cho ly hôn với anh Trần Văn T là phù hợp.

[3] Về con: Chị Lại Thị H và anh Trần Văn T cho đến nay có hai người con chung là cháu Trần Thế A, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1993 và cháu Trần Thế V, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2001. Hiện nay cả hai cháu đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, về con riêng không ai có, do vậy nay ly hôn chị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản:** Trong quá trình Tòa án giải quyết chị H xác định chị và anh T không có tài sản gì, về công nợ không có, nay ly hôn chị không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn là anh Trần Văn T, hiện có hộ khẩu và đang làm ăn sinh sống tại phố B, thị trấn N, huyện Y. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Văn T, thông qua bà Lê Thị B là mẹ đẻ anh T nhận thay và thông qua ông Lại Xuân H

là trưởng phố để giao lại cho anh T, bà B và ông H đều xác nhận đã giao lại tận tay thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh T. Anh T đã biết các yêu cầu của chị H xin ly hôn, nên anh có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Việc anh không đến Tòa án làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, thì anh phải chịu hậu quả của việc không đến Tòa án làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ khi Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[5] **Về án phí:** Chị Lại Thị H là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lại Thị H về việc "Ly hôn" đối với anh Trần Văn T (tên gọi khác Trần Quốc T).

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lại Thị H được ly hôn anh Trần Văn T (tên gọi khác Trần Quốc T).

- Về con: Chị Lại Thị H và anh Trần Văn T có hai người con là cháu Trần Thế A, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1993 và cháu Trần Thế V, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2001, hiện nay đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên chị H không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Chị Lại Thị H xác định vợ chồng không có tài sản nên chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lại Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005571 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y.
- UBND thị trấn N.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung